

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
về danh dự, uy tín

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tân Đề.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/QĐXXST-DS ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có đơn xin vắng mặt*

2- *Bị đơn:*

2.1- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp A A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

2.2- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp A A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm

1987; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh N trình bày: Năm 2019 anh có nhận chuyển nhượng phần đất giáp với đất bà T và bà Đ. Khi chuẩn bị thi công xây hàng rào thì xảy ra tranh chấp với bà T và bà Đ. Yêu cầu bà T trả diện tích đất chiếm là 300 m² và bà Đ trả diện tích đất 300 m².

Ngày 27/8/2024 anh N có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất và có ý kiến không thống nhất yêu cầu của bà Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

[2]- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đ trình bày: Bà không thống nhất yêu cầu của anh N. Theo đơn yêu cầu phản tố, bà Đ yêu cầu anh N bồi thường thiệt hại do nhiều lần phải đi đo đất nên khách hàng không gặp được để mua hàng hóa làm ảnh hưởng kinh tế, gây hoang mang, thiệt hại uy tín, danh dự, sức khỏe số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà Đ xác định: Yêu cầu anh N bồi thường thiệt hại danh dự, uy tín là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[3]- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà T trình bày: Không thống nhất yêu cầu của anh N.

Tại phiên tòa bà T trình bày: Anh N rút đơn bà thống nhất, không có yêu cầu phản tố. Nhưng đề nghị Tòa có quyết định cắm ranh đất giữa các bên để mai một khỏi phát sinh tranh chấp.

[4]- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị T1 có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

[5]- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng vụ án đề quá hạn nên cần rút kinh nghiệm. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa

vụ của mình và bà Đ, bà T chấp hành nội quy phiên tòa; nguyên đơn là anh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà Đ về yêu cầu bồi thường danh dự, uy tín 10.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của anh N đã rút đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện anh N yêu cầu bà T, bà Đ trả quyền sử dụng đất nhưng anh N đã rút yêu cầu. Bà Đ có yêu cầu phản tố về bồi thường danh dự, uy tín nên chỉ xem xét yêu cầu của bà Đ. Do đó, xác định quan hệ pháp luật đến thời điểm xét xử là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về danh dự, uy tín*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Anh N và chị T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

Anh N có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Đ và bà T nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh N.

[2] Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu phản tố của bà Đ về việc yêu cầu anh N bồi thường thiệt hại danh dự, uy tín số tiền 10.000.000 đồng.

Bà Đ cho rằng anh N khởi kiện tranh chấp đất với bà làm ảnh hưởng danh dự, uy tín của bà, bà đi đám tiệc gặp bạn bè, bà con dòng họ ai cũng hỏi vụ bị thừa kiện nên bà yêu cầu bồi thường danh dự, uy tín 10.000.000 đồng.

Anh N và bà Đ có sử dụng đất giáp ranh, hai bên không thống nhất được ranh đất nên phát sinh tranh chấp. Anh N thực hiện quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Việc tranh chấp đất giữa các bên không tự thỏa thuận được nên anh N yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết và khởi kiện đến Tòa án giải quyết là hành vi pháp luật không cấm. Nếu như anh N không khởi kiện, quyền lợi của bà Đ bị xâm phạm thì bà Đ cũng có quyền khởi kiện yêu cầu chính quyền địa phương

cũng như Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Theo Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự, trong đó đương sự có nghĩa vụ phải tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định của luật và phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc. Do đó, khi Tòa án triệu tập bà Đ chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án là thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật và đến Tòa án trình bày ý kiến cũng để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

Theo Điều 592 của Bộ luật Dân sự định về thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm: Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; Thiệt hại khác do luật quy định và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Tuy nhiên, bà Đ chưa chứng minh được thiệt hại như thế nào, không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại nên yêu cầu của bà Đ chưa đủ cơ sở.

[3] Từ những phân tích và quy định nêu trên, thấy rằng hành vi khởi kiện của anh N được pháp luật cho phép; bà Đ chưa chứng minh được thiệt hại nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Điều 584 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của bà Đ không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: Anh N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.729.601 đồng. Anh N đã nộp xong

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 14, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Đ chỉ yêu cầu bồi thường danh dự, uy tín nên được miễn án phí theo quy định và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Anh N rút yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 70, 92, 147, 157, 186, 218, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584, 592 của Bộ luật Dân sự Điều 6, 12, 14, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ đối với anh Nguyễn Chí N về việc bồi thường thiệt hại danh dự, uy tín số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Chí N đối với bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Đ về tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất).

2- Chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Chí N chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.729.601 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm lẻ một đồng). Anh N đã nộp xong.

3- Án phí sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005140 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Chí N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005943 ngày 09/9/2020 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005944 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường H